TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮKNÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14-09-2023
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn, bà Hoàng Thị Thanh
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2023 v/v ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXX-ST ngày 14/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông; - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông; nơi làm việc: Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:* Bà và ông Lê Văn L chung sống như vợ chồng từ năm 1994 nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M. Hôn nhân của ông bà hoàn toàn tự nguyện. Ông bà có 04 người con chung gồm cháu Lê Thanh B, sinh năm 1995; cháu Lê Thị Mỹ U, sinh năm 1997; cháu Lê Nữ Mai L, sinh năm 1999; cháu Lê Thanh M, sinh năm 2002. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, đã sống ly thân với nhau. Về con chung: các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với ông Lê Văn L bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với ông Lê Văn L nhưng ông đều vắng mặt không có lý do trong tất cả các lần triệu tập và hòa giải, xét xử tại Tòa án. Do ông L cố tình vắng mặt nên không có lời khai cũng như không

cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị L được ly hôn với ông Lê Văn L.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Đoàn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Lê Văn L, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Đoàn Thị L và ông Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà L chung sống với nhau từ năm 1994, đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông, xét quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, ông bà đã không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân thật sự không đạt được mục đích, vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không duy trì được cuộc sống chung, bà L có đơn yêu cầu Tòa án không hòa giải vì hôn nhân đã trầm trọng. Quá trình giải

quyết vụ án, ông L đã biết việc bà L ly hôn tuy nhiên không hợp tác để làm việc, xét hôn nhân của ông bà không đạt được mục đích. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[5] Về con chung: Các con chung của bà L, ông L đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị L về việc xin ly hôn.

1. Về hôn nhân: bà Đoàn Thị L được ly hôn với ông Lê Văn L.

2. Về con chung: Các con chung của bà L, ông L đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: bà Đoàn Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009381 ngày 18/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng